|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  TRƯỜNG THCS THÁI SƠN | ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2021 - 2022  Môn: Công nghệ 7  Thời gian làm bài: 45 phút |

**I. Ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | | | Cộng | | | |
| Cấp độ thấp | | Cấp độ cao | |
| Tên chủ đề/ Chuẩn | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Chủ đề 1: kĩ thuật chăn nuôi | Nguồn gốc của thức ăn vật nuôi | | -Chế biến và dự trữ thức ăn  -Thành phần dinh dưỡng | | Thức ăn vật nuôi | | Dinh dưỡng của thức ăn | |  | | | |
| Số câu | 1 |  | 1 | 1 | 1 |  | 1 |  | 5 | | | |
| Số điểm = Tỉ lệ % | 0.4 |  | 0.4 | 1.0 | 0.4 |  | 0.4 |  | 2.6 | |  | 26% |
| Chủ đề 2: Sản xuất và bảo vệ môi tường trong chăn nuôi | Nguyên nhân sinh ra bệnh | |  | | -Tác dụng của vắc xin | | Nguyên nhân sinh ra bệnh | |  | | | |
| Số câu |  | 1 |  |  | 2 |  | 1 |  | 4 | | | |
| Số điểm = Tỉ lệ % |  | 1.5 |  |  | 0.8 |  | 0.4 |  | 2.7 | | .= | 27% |
| Chủ đề 3:  Đại cương về kĩ thuật nuôi thủy sản | Vai trò của nuôi thủy sản  - Các loại thức ăn của tôm cá | | Đặc điểm nước thủy sản | | Các loại thức ăn của tôm cá | |  | |  | | | |
| Số câu | 3 | 1/2 |  | 1 |  | 1/2 |  |  | 5 | | | |
| Số điểm = Tỉ lệ % | 1.2 | 1.0 |  | 1.5 |  | 1.0 |  |  | 4.7 | .= | | 47% |
| Tổng số câu | 5,5 | | 3 | | 3,5 | | 2 | | 14 | | | |
| Tổng số điểm | 4.1 | | 2.9 | | 2.2 | | 0,8 | | 10 | | | |
| *Tỉ lệ %* | 41% | | 29% | | 22% | | 0.8% | | 100% | | | |

**II. Đề bài**

1. **Trắc nghiệm** (4 đ) Em hãy chọn câu trả lời đúng

Câu 1: Thức ăn vật nuôi có nguồn gốc ?

A. Từ thực vật, chất khoáng C.Từ cám, lúa, rơm

B. Từ thực vật, cám D. Từ thực vật, động vật, chất khoáng

Câu 2: Mục đích của dự trữ thức ăn:

A. Giữ thức ăn lâu hỏng, luôn đủ nguồn thức ăn. B. Để dành nhiều thức ăn.

C. Tận dụng nhiều loại thức ăn. D. Chủ động nguồn thức ăn.

Câu 3: Phương châm của vệ sinh phòng bÖnh cho vËt nu«i:

A. Phòng bệnh hơn chữa bệnh. B. Cho ¨n uèng ®Çy ®ñ.

C. Sím, kÞp thêi, nhanh chãng vµ triÖt ®Ó. D. GiÕt thÞt lîn èm.

Câu 4: Nguyên nhân sinh ra bệnh truyền nhiễm là bệnh do:

A. Giun gây ra. B. Vi rút gây ra. C. Ve gây ra. D. Sán gây ra.

. Câu 5: Vắc-xin chỉ sử dụng đối với vật nuôi:

A. khỏe mạnh B. đang ủ bệnh C. chưa mang mầm bệnh D. Ý A và C

Câu 6: Đặc điểm của thức ăn ủ men:

A. Tăng lượng prô-tê-in vi sinh B. Thức ăn có mùi thơm

C. Thức ăn có màu xám, mùi khó chịu D. Ý A và B

Câu 7. Thức ăn cho động vật thủy sản ***không có*** loại thức ăn nào sau đây ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự nhiên: vi khuẩn, sinh vật thủy sinh. | B. Thức ăn do con người tạo ra |
| C. Muối, vôi, đạm, lân, kali. | D. Thức ăn hỗn hợp. |

Câu 8. Thời gian tạo được miễn dịch ở vật nuôi sau khi tiêm vắc xin được:

A) 1-2 tuần B) 2-3 tuần C) 3-4 tuần D) 4-5 tuần

Câu 9. Nước có màu nõn chuối và vàng lục gọi là:

A) Nước béo B) Nước gầy C) Nước bệnh D) Nước ao tù

Câu 10: Rong đen lá vòng, rong lông gà thuộc nhóm sinh vật nào sau đây:

A. Thực vật phù du B. Thực vật đáy

C. Động vật phù du D. Động vật đáy

**B. Tự luận** (6 đ)

Câu 11 (1,5đ) a. Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi?

b. Kể tên một số bệnh truyền nhiễm ở vật nuôi mà em biết?

Câu 12 (1,5đ): Nêu đặc điểm của nước nuôi thuỷ sản?

Câu 13.(1,0đ): Nêu thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi?

Câu 14 (2,0đ):a. Nêu các loại thức ăn của tôm, cá?

b. Ở gia đình(địa phương ) em làm thế nào để tăng lượng thức ăn tự nhiên cho tôm, cá.

**III. ĐÁP ÁN + BIỂU ĐIỂM**

**A.Trắc nghiệm** (3 đ)

Mỗi câu đúng đạt 0,25 đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | D | A | A | B | A | D | C | B | A | B |

**B.Tự luận**

**Câu 11**(1,5 đ) – Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi

+ Yếu tố bên trong(0,5 đ)

+ Yếu tố bên ngoài (môi trường sống của vật nuôi) (1,0 đ)

* Cơ học ; Lí học ; Hóa học

- Sinh học : bệnh truyền nhiễm, bệnh không truyền nhiễm.

- Kể tên một số bệnh truyền nhiễm (1 đ) : Bệnh lợn tai xanh ; bệnh nở mồm, long móng ở lợn, trâu, bò ; cúm H5N1 ở gia cầm ...

**Câu 12**(1,5đ): Mỗi đáp án đúng đạt 0,5 đ

* Có khả năng hòa tan chất hữu cơ và vô cơ
* Khả năng điều hòa chế độ nhiệt của nước
* Thành phần O2 thấp và CO2 cao

**Câu 13.** (1,0đ): Nêu thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi?

- Nước

- Chất khô: protein, lipit, gluxit, khoáng, vitamin

**Câu 14**(2,0): Các loại thức ăn của tôm, cá (1,0 đ)

+ Thức ăn tự nhiên

+ Thức ăn nhân tạo: Thức ăn tinh, thức ăn thô, thức ăn hỗn hợp

- Liên hệ: để tăng lượng thức ăn tự nhiên cho tôm, cá gia đình em thường bón phân vô cơ và phân hữu cơ (1 đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Xác nhận của BGH | Tổ chuyên môn | Giáo viên ra đề  Phạm Thị Quỳnh Nga |